

Bản án số: 92/2024/HS-ST

Ngày: 18/9/2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN**

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Đặng Minh Tuấn

Thẩm phán: Ông Lê Quý My.

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Duy Tuấn

2. Ông Phan Bội Khánh

3. Bà Đặng Thị Kim Oanh.

- Thư ký phiên toà: Ông Phan Khánh Tùng – Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên toà:
Ông Bùi Đức Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2024 tại Hội trường xét xử Toà án nhân tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 72/2024/TLST-HS ngày 27 tháng 8 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 84/2024/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 9 năm 2024 đối với bị cáo:

Hà Văn T; Tên gọi khác: Không, sinh ngày 10 tháng 3 năm 1967, tại Thái Nguyên; nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Tổ dân phố K, phường T, thành phố P, tỉnh Thái Nguyên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hoá: 0/10; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Hà Văn Đ (đã chết); Con bà Nguyễn Thị L (đã chết); Có vợ là Tạ Thị T1, có 02 con chung với chị T1; Sống chung như vợ chồng với chị Nguyễn Thị T2, có 02 con chung với chị T2. Tiền án, tiền sự: Không có.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 07/7/2024 đến nay, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam - Công an tỉnh T. (có mặt)

Người bào chữa cho bị cáo (Do Đoàn Luật sư tỉnh T chỉ định): Ông Nguyễn Đức H, Luật sư Văn phòng L2, Đoàn Luật sư tỉnh T. (có mặt)

Bị hại: Chị Nguyễn Thị Quỳnh N (đã chết).

Đại diện hợp pháp của bị hại:

Bà Nguyễn Thị T2, sinh năm 1977. (có mặt)

Trú tại: Xóm K, xã N, huyện P, tỉnh Thái Nguyên

Người làm chứng:

1, Bà Lưu Thị B, sinh năm 1954 (có mặt)

Trú tại: Xóm K, xã N, huyện P, tỉnh Thái Nguyên

2, Nguyễn Thị T3, sinh năm 1973. (có mặt)

Trú tại: Xóm C, xã H, huyện P, tỉnh Thái Nguyên

3, Chị Phan Thị H1, sinh năm 1996. (có mặt)

Trú tại: Xóm C, xã H, huyện P, tỉnh Thái Nguyên

4. Nguyễn Xuân M, sinh năm 2016, (có mặt)

Người giám hộ: Bà Nguyễn Thị T2, sinh năm 1977. (có mặt)

Trú tại: Xóm K, xã N, huyện P, tỉnh Thái Nguyên

5. Bà Nguyễn Thị L1, sinh năm 1939. (có mặt)

Trú tại: Xóm K, xã N, huyện P, tỉnh Thái Nguyên

6. Anh Đặng Văn T4, sinh năm 1993. (vắng mặt)

Trú tại: Xóm K, xã N, huyện P, tỉnh Thái Nguyên

7. Anh Hoàng Văn S, sinh năm 1984. (có mặt)

Trú tại: Xóm K, xã N, huyện P, tỉnh Thái Nguyên

8. Bà Nguyễn Thị T5, sinh năm 1963. (có mặt)

Trú tại: Xóm Kén, xã Nga My, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên

9. Anh Đặng Văn T6, sinh năm 1986. (vắng mặt)

Trú tại: Xóm K, xã N, huyện P, tỉnh Thái Nguyên

10. Anh Tạ Văn H2, sinh năm 1985. (vắng mặt)

Trú tại: Xóm T, xã N, huyện P, tỉnh Thái Nguyên

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hà Văn T (sinh năm 1967, Nơi đăng ký HKTT: TDP K, phường T, thành phố P) chung sống như vợ chồng với bà Nguyễn Thị T2 (sinh năm 1977) và cùng nhau ở tại: xóm K, xã N, huyện P) khoảng năm 2014 có tổ chức đám cưới, nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống giữa T và bà T2 có hai con chung là Nguyễn Xuân M (sinh năm 2016) và Nguyễn Văn U (sinh năm 2017); Ngoài ra, bà T2 còn có con riêng là chị Nguyễn Thị Quỳnh N (sinh năm 2002).

Khoảng 09 giờ 25 phút ngày 07/7/2024, chị Nguyễn Thị Quỳnh N đi làm về thấy cháu Nguyễn Văn U đang chơi đùa trong nhà nên quát mắng cháu U và cầm điều của cháu U ném xuống vườn trước cửa nhà. Lúc này, T đang ở trong bếp để chuẩn bị nấu cơm, tay phải cầm 01 con dao nhọn (loại dao dài 29,5cm chuôi gỗ, lưỡi kim loại sắc nhọn có bản rộng nhất là 4,5cm) và 01 lõi nôi cơm

điện thì thấy chị N ném điều của T mua cho cháu U. Tỷ bức xúc cầm thêm 01 đòn gánh bằng tre (dài 1,48m, bản rộng trung bình 7cm) bằng tay trái đi từ trong bếp ra đến sân mục đích để dọa đánh chị N, vừa đi T vừa chửi chị N “*Mẹ mày láo, nó biết đặng nào...*” và quát to “*Tao mua hay mày mua*”. T đi đến gần, cách chị N khoảng 1m thì bỏ đòn gánh và lúi nôi cơm điện xuống sân (T *vẫn cầm dao nhọn trên tay phải*) rồi xông vào dùng tay trái túm cổ áo của chị N thì bị chị N dùng hai tay đẩy ra, tát vào mặt của T. Khi đó, T vẫn túm áo của chị N đồng thời cầm dao nhọn bằng tay phải đâm 01 nhát hướng từ trái qua phải, từ dưới lên trên trúng vào vùng sườn trái của chị N, rồi nói “*Đ...mẹ mày*”. Sau khi đâm trúng chị N, T cầm con dao nhọn đi đến gần cổng nhà và ném con dao nhọn vào thùng xe cải tiến rồi bỏ đi khỏi hiện trường. Bị đâm trúng chị N ngã nằm ra sân, dùng điện thoại gọi cho chị Phan Thị H1 (sinh năm 1996, trú tại xóm T, xã H, huyện P - là *chị gái con nhà bác*) đến đưa đi cấp cứu. Hậu quả: chị N bị thương tích nặng được đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện Đ1 và Bệnh viện C sau đó tử vong. Đối với Hà Văn T sau khi đâm chị N đã bỏ trốn lên xã N, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên đến 12 giờ 30 phút cùng ngày thì bị phát hiện, bắt giữ.

Cơ quan điều tra đã tiến hành khám nghiệm hiện trường nơi xảy ra vụ án, kết quả đã xác định địa điểm nơi xảy ra vụ án phù hợp với các tài liệu đã thu thập được trong quá trình điều tra

Kết quả khám nghiệm tử thi: Các dấu vết, tổn thương trên cơ thể: Hoen tử thi tập trung ở mặt sau cơ thể; Da niêm mạc nhợt nhạt trái 23,5cm cách trên rau rốn 19cm có vết rách thủng da cơ bờ mép sắc gọn KT: 4,7cm x 1,5cm, góc phía trước tù, góc phía sau nhọn, chiều hướng từ trái sang phải, từ dưới lên trên, sâu thấu vào trong khoang bụng.

Mổ tử thi: Hai phổi nhợt nhạt, xẹp; Tim KT bình thường, khoang màng tim có dịch màu vàng chanh; Ổ bụng có khoảng 3L máu không đông lẫn máu đông; Vết rách thủng da cơ vùng bụng trái đi qua khoang liên sườn 7-8, đứt xương sườn số 8, rách một phần lách dài 3,5cm, rách thành sau dạ dày dài 3cm, rách mặt dưới gan phải dài 2,5cm; Tử cung nhỏ, không có thai; Các tạng khác không có tổn thương

Tại Kết luận giám định tử thi số 890/KLGĐTT-KTHS ngày 07/8/2024 của Phòng K Công an tỉnh T:

- *Các dấu vết chính: Vết thủng da cơ vùng bụng trái, đứt xương sườn số 8, rách một phần lách dài 3,5cm; rách thành sau dạ dày dài 3cm, rách mặt dưới gan phải dài 2,5cm; Hai phổi nhợt nhạt, xẹp.*

- *Kết luận: Nguyễn Thị Quỳnh N bị vết thương thấu bụng gây rách lách, rách dạ dày, rách gan gây mất máu cấp, suy tuần hoàn cấp, suy hô hấp cấp dẫn đến chết*

Quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra đã thu giữ:

- 01 con dao có chiều dài 29,5cm; lưỡi dao kim loại dài 18cm; bản rộng nhất 4,5cm, đầu nhọn, 01 lưỡi sắc, 02 mặt lưỡi dao bám dính vật chất màu nâu

đỏ; dao có chuôi gỗ; khuy dao, đốc dao bằng kim loại cho vào 01 thùng catton, niêm phong ký hiệu “H1”;

- 01 đòn gánh bằng tre, có chiều dài 1,48m; bản rộng trung bình 07cm;

- 01 chiếc điều kích thước (125 x 0,77)m; trên điều in hoa văn nhiều màu sắc và chữ “T” cho vào 01 thùng catton, niêm phong, ký hiệu “H2”;

- 01 áo sơ mi cộc tay màu đen, tại đuôi áo sau bên trái cách trên gấu áo 01cm, cách ngang đường may nách áo 06cm có vết rách thủng vải KT (6 x 0,3)cm, bờ mép gọn được niêm phong theo quy định, ký hiệu “Áo TT Nga”

- 01 chiếc quần cộc màu xanh dương kẻ sọc đen có 01 túi đằng sau, không có nhãn mác, quần đã qua sử dụng, được cho vào bì niêm phong, ký hiệu “A2”;

- 01 thẻ nhớ có in chữ LEXAR, loại 32 GB được cho vào bì niêm phong, ký hiệu “TN”

- 01 chiếc điện thoại màn hình cảm ứng, mặt kính phía trước màu đen, mặt lưng màu hồng có in dòng chữ “SAMSUNG”, màn hình viền, mặt lưng nứt vỡ rải rác, máy cũ đã qua sử dụng được cho vào bì niêm phong, ký hiệu “N”

- 01 chiếc điện thoại màu đen, trên mặt kính màn hình điện thoại có ký hiệu chữ SMP, bên trong có 01 sim điện thoại có số thuê bao 0869.602.977, được cho vào bì niêm phong ký hiệu “A2”

Tại Kết luận giám định AND số HT350.24/PY-XNSH ngày 11/7/2024 của V: *Dấu vết trên lưỡi dao của con dao (Ký hiệu H1) gửi giám định có sinh phẩm của người; có AND nhiễm sắc thể thường trùng khớp với AND nhiễm sắc thể thường từ mẫu máu của Nguyễn Thị Quỳnh N.*

Về trách nhiệm dân sự: Bà Nguyễn Thị T2 là người đại diện cho bị hại yêu cầu Hà Văn T phải bồi thường số tiền 192.248.000đ (Một trăm chín mươi hai triệu hai trăm bốn mươi tám nghìn đồng) là tiền chi phí phương tiện, cấp cứu, mai táng cho chị Nguyễn Thị Quỳnh N. Hiện tại, Hà Văn T chưa bồi thường được khoản tiền yêu cầu nêu trên. Đối với việc bồi thường về tổn thất tinh thần thì bà T2 sẽ có quan điểm đề nghị trong quá trình xét xử vụ án.

Tại Cơ quan cảnh sát điều tra công an tỉnh T, Hà Văn T đã khai nhận hành vi phạm tội của mình. Lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của những người làm chứng, kết quả khám nghiệm hiện trường, vật chứng thu giữ, kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ khác do cơ quan điều tra đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

Tại bản cáo trạng số 92/CT - VKS – (P2), ngày 27/8/2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên truy tố Hà Văn T về tội “Giết người”, theo điểm n khoản 1 Điều 123 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố.

Tại phiên tòa, đại diện hợp pháp của bị hại yêu cầu bị cáo phải bồi thường các khoản chi phí phương tiện, cấp cứu, mai táng phí và khoản tiền tổn thất tinh thần, với tổng số tiền yêu cầu bồi thường là 200.000.000 đồng, về hình phạt đề

ngiht xử lý theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa bị cáo nhất trí bồi thường theo yêu cầu của bà T2.

Phân luận tội tại phiên tòa hôm nay, sau khi phân tích, đánh giá tính chất vụ án, mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo. Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Hà Văn T phạm tội “Giết người”;

Về hình phạt: Căn cứ điểm n khoản 1 Điều 123, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo từ 15 đến 16 năm tù.

Bồi thường dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 584, 585, 590, 591, 357, 468 Bộ luật dân sự: Ghi nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo với đại diện hợp pháp của bị hại về số tiền bị cáo phải bồi thường là 200.000.000 đồng.

Vật chứng vụ án: Căn cứ vào Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy những vật chứng không có giá trị sử dụng.
 - Tạm giữ: 01 điện thoại di động nhãn hiệu SMP được niêm phong ký hiệu A1 để đảm bảo thi hành cho bị cáo.
 - Đối với 01 thẻ nhớ có in chữ LEXAR cần tiếp tục lưu theo hồ sơ vụ án.
- Bị cáo phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Trong phần tranh luận bị cáo, đại diện hợp pháp của bị hại không tranh luận với luận tội của Viện kiểm sát.

Luật sư bào chữa cho bị cáo: Nhất trí với nội dung bản cáo trạng và nội dung luận tội của Viện kiểm sát đối với bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét nhân thân của bị cáo và cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, cho bị cáo được hưởng mức án từ 14 đến 15 năm tù, tạo cơ hội cho bị cáo sớm được trở về với gia đình và xã hội.

Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm sau khi đối đáp với ý kiến của luật sư.

Lời nói sau cùng, bị cáo đề nghị được hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Quá trình khởi tố vụ án, điều tra, truy tố và xét xử, điều tra viên, kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, đại diện hợp pháp của bị hại, Luật sư và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng thực hiện trong vụ án đảm bảo hợp pháp và đúng quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung vụ án: Lời khai nhận tội của bị cáo trong quá trình điều tra phù hợp với lời khai của người làm chứng, các kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 9 giờ 25 phút ngày 07/7/2024, tại xóm K, xã N, huyện P, tỉnh Thái Nguyên. Do bức tức vì bị chị Nguyễn Thị Quỳnh N chửi và ném điều của con trai Hà Văn T (con cùng mẹ khác cha với chị N) nên T đã dùng dao nhọn có kích thước dài 29,5cm, cầm dao bằng tay phải đâm một nhát trúng vùng sườn trái của chị Nguyễn Thị Quỳnh N (con riêng của bà Nguyễn Thị T2, người sống với Hà Văn T như vợ chồng). Hậu quả làm chị N bị vết thương thấu bụng gây rách lách, rách dạ dày, rách gan gây mất máu cấp, suy tuần hoàn cấp, suy hô hấp cấp dẫn đến chết.

Với hành vi nêu trên, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên truy tố đối với bị cáo về tội: “Giết người” theo điểm n khoản 1 Điều 123 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

Nội dung điều 123 Bộ luật hình sự:

“1. Người nào giết người thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm, tù chung thân hoặc tử hình:

a). ...

n). Có tính chất côn đồ... ”.

[3]. Xét tính chất vụ án là đặc biệt nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến sức khỏe của người khác một cách trái pháp luật. Hành vi của bị cáo đã gây tâm lý hoang mang trong quần chúng nhân dân, ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự tại địa phương, vì vậy cần phải được xử lý nghiêm minh bằng pháp luật hình sự.

[4]. Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thấy: Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình, vì vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về Điều luật áp dụng và hình phạt đối với bị cáo tại phiên tòa là có căn cứ.

Đề nghị của Luật sư bào chữa cho bị cáo Hội đồng xét xử xem xét theo quy định của pháp luật.

[5]. Về bồi thường dân sự: Tại phiên tòa đại diện hợp pháp của bị hại yêu cầu bị cáo phải bồi thường các khoản chi phí phương tiện, cấp cứu điều trị, mai táng phí, tổn thất tinh thần với tổng số tiền 200.000.000 đồng. Tại phiên tòa bị cáo nhất trí bồi thường theo yêu cầu của bà T2, do bị cáo chưa bồi thường ngay nên cần căn cứ các quy định của pháp luật để buộc bị cáo bồi thường số tiền đã thỏa thuận.

[6]. Vật chứng vụ án:

- Tịch thu tiêu hủy số vật chứng không có giá trị sử dụng; Tạm giữ 01 điện thoại di động để đảm bảo thi hành án cho bị cáo.

- Lưu hồ sơ vụ án 01 thẻ nhớ có in chữ LEXAR, loại 32 GB.

[7]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định.

[8]. Bị cáo, đại diện hợp pháp của bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[9]. Đối với hành vi quan hệ chung sống như vợ chồng giữa chị T2 và Hà Văn T. Qua xác minh tại địa phương, Ủy ban nhân dân phường T, thành phố P không có tài liệu, thông tin về đăng ký kết hôn và cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân giữa Hà Văn T với chị Tạ Thị T1. Do vậy, không có căn cứ để xác định hôn nhân giữa Hà Văn T và Tạ Thị T1. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh T không có căn cứ để xử lý quan hệ chung sống như vợ chồng đối với Hà Văn T và bà Nguyễn Thị T2.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 326 Bộ luật tố tụng hình sự;

Tuyên bố: Bị cáo Hà Văn T phạm tội “Giết người”.

1. Về hình phạt: Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Hà Văn T: 16 (mười sáu) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 07/7/2024.

2. Trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 584, 585, 590, 591, 357, 468 Bộ luật dân sự: Buộc bị cáo bồi thường cho gia đình bị hại, đại diện là bà Nguyễn Thị T2 tổng số tiền 200.000.000 đồng;

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Vật chứng vụ án: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- **Tạm giữ:** 01 điện thoại di động màu đen, trên mặt kính màn hình điện thoại có ký hiệu chữ SMP, được cho vào bì niêm phong theo quy định, ký hiệu **A1** để đảm bảo thi hành án cho bị cáo.

- **Tịch thu tiêu hủy:** 01 đòn gánh bằng gỗ có chiều dài 1,48m, bản rộng trung bình 07cm; 01 chiếc điều kích thước (125 x 0,77)m, trên điều in hoa văn nhiều màu sắc và chữ “T” cho vào 01 thùng catton, niêm phong ký hiệu **H2**; 01 quần dài màu đen ghi thu của tử thi Nguyễn Thị Quỳnh N được niêm phong theo quy định, ký hiệu “**Quần TT Nga**”; 01 áo sơ mi cộc tay màu đen, tại đuôi áo sau bên trái cách trên gấu áo 01 cm, cách ngang đường may nách áo 06 cm có vết rách thủng vải KT (6 x 0,3)cm, bờ mép gọn được niêm phong theo quy định, ký hiệu “**Áo TT Nga**”; 01 chiếc quần cộc màu xanh dương kẻ sọc đen có 01 túi

đăng sau, không có nhãn mác, quần đã qua sử dụng, được cho vào bì niêm phong, ký hiệu **A2**; 01 dao nhọn, phần lưỡi dao bằng kim loại, có mũi nhọn, một lưỡi sắc, trên lưỡi dao bám dính vật chất màu nâu đỏ nghi máu, chuôi dao bằng gỗ, được cho vào hộp dán kín niêm phong theo quy định, ký hiệu **“H1”**.

(Vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 120 ngày 26 tháng 8 năm 2024 giữa Công an tỉnh T với Cục THADS tỉnh T).

4. Án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 BLTTHS; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016: Buộc bị cáo Hà Văn T phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 10.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

Bị cáo, đại diện hợp pháp của bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC; VKSNDCC;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- Cục THADS tỉnh Thái Nguyên;
- Công an tỉnh Thái Nguyên;
- Sở Tư pháp;
- Bị cáo; Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Đặng Minh Tuấn

